

Số: 07/2019/QĐST-DS

TP Thái Bình, ngày 17 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh và ông Phạm Đức Toàn.

Căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ có đơn xin rút đơn khởi kiện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Việc rút đơn của ông Đ, ông M và bà B là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự thụ lý số 16/2019/TLST-DS ngày 16/7/2018 về việc: Yêu cầu chia thừa kế giữa:

1.1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ – sinh năm 1968.

Trú quán: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

1.2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Đ – sinh năm 1964.

Trú quán: Tổ 2, đường Q, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

1.3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1956.

Trú quán: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Trường Đ – sinh năm 1959.

Trú quán: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1963.

Trú quán: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bà Nguyễn Thị B – sinh năm 1971.

Nơi cư trú: số nhà 17, ngõ 70, đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bà Nguyễn Thị X – sinh năm 1977.

Trú quán: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

1.4. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1975.

- Bà Nguyễn Thị B – sinh năm 1976.

Đều trú quán: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ việc:

- Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự.

- Về án phí: Hoàn trả ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền 714.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007122 ngày 11/7/2018. Hoàn trả ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B số tiền 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007303 ngày 23/10/2018.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy⁽³⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số.../.../TLST-...⁽⁴⁾ ngày... tháng... năm... về việc⁽⁵⁾, giữa:

Nguyên đơn:⁽⁶⁾

Địa chỉ:

Bị đơn:⁽⁷⁾

Địa chỉ:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có).⁽⁸⁾

Địa chỉ:

2.⁽⁹⁾

3. Đương sự,⁽¹⁰⁾ có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự.

(11)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 46-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST - KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

(11) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

